

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2022/DS-PT

Ngày: 30-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do Bản án Dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 272/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Lê Thị D, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: khu phố N, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 08-9-2022). Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ cư trú: xã Th, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Kiều O, sinh năm 1988; Địa chỉ: khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Anh Đỗ Thành T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08-11-2021, quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Thành T và người đại diện theo ủy quyền của ông là bà Lê Thị D trình bày:

Ông T và vợ chồng ông M, bà Ng có làm ăn quen biết với nhau. Ngày 23-6-2020 dương lịch vợ chồng ông M, bà Ng có vay của ông T số tiền nợ gốc 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng; mục đích vay tiền là để mua phân bón chăm sóc vườn mãng cầu; thời hạn vay 1 tháng kể từ ngày vay. Hợp đồng vay tiền được lập thành 03 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản được lưu giữ tại Phòng Công chứng Lương Tâm Thanh. Hai bên có thỏa thuận miệng khi nào tất toán xong nợ vay thì đến Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh để hủy hợp đồng. Sau khi công chứng hợp đồng xong, ông T giao tiền trên xe ô tô của ông M, bà Ng và để quên bản chính hợp đồng trên xe ô tô của ông M, bà Ng nên không có bản chính hợp đồng vay tiền ngày 23-6-2020 để nộp cho Tòa án. Đối với khoản tiền này ông T đã nhận được 11 tháng tiền lãi kể từ ngày vay, không có biên bản giao nhận tiền lãi.

Đến ngày 09-02-2021 dương lịch (nhằm ngày 28-12-2020 âm lịch) ông M, bà Ng vay tiếp số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, lãi suất 2%/tháng; thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày vay và ông M có viết giấy biên nhận số tiền này. Đối với khoản tiền này ông T đã nhận đủ 03 tháng tiền lãi kể từ ngày vay, không có biên bản giao nhận tiền lãi.

Tổng cộng ông M, bà Ng đã vay của ông T số tiền nợ gốc 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng đến nay vẫn chưa thanh toán. Tại đơn khởi kiện ngày 08-11-2021 ông T yêu cầu ông M, bà Ng trả tổng số tiền 2.464.000.000 (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu) trong đó nợ gốc 2.200.000.000 đồng, tiền lãi 264.000.000 (Hai trăm sáu mươi bốn triệu) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với 12 thửa đất tọa lạc tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thành phố T của ông M, bà Ng nhưng sau đó đã rút lại yêu cầu này.

Tại phiên tòa ngày 26-5-2022, phía nguyên đơn cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ gồm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-01-2021 vợ chồng ông M, bà Ng chuyển nhượng cho ông T, bà Oanh; các bảng kê chi tiết giao dịch bà Ng chuyển tiền qua tài khoản của ông T, tin nhắn zalo nói chuyện giữa bà Ng và ông T để chứng minh giữa ông T và ông M, bà Ng còn thực hiện nhiều giao dịch vay tiền khác, trong đó có những khoản vay các bên không làm giấy nợ; các khoản tiền ông M, bà Ng chuyển khoản cho ông T theo chứng cứ nêu trên là trả cho nhiều khoản vay khác nhau, không ghi rõ cụ thể trả cho khoản vay nào và không liên quan đến các khoản vay trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa ngày 21-7-2022, người đại diện theo ủy quyền của ông T xác định yêu cầu ông M, bà Ng trả số tiền nợ gốc 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng và tiền lãi 0,83%/tháng đối với các khoản vay tính từ tháng 6/2021 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử. Các khoản tiền lãi ông T đã nhận

2%/tháng cho đến tháng 5-2021 dương lịch là thỏa thuận giữa các bên nên không đồng ý khấu trừ. Các khoản tiền ông T cho ông M, bà Ng vay là tài sản riêng của ông T, không liên quan đến vợ ông T.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Mỹ Ng và người đại diện theo ủy quyền của ông bà là ông Phạm Văn Tình trình bày:*

Ngày 23-6-2020 dương lịch ông M, bà Ng có ký Hợp đồng vay số tiền 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng của ông T, thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Hợp đồng này được các bên ký kết, công chứng theo đúng quy định pháp luật tại Văn phòng Công chứng Lương Tâm Thanh. Các bên không có thỏa thuận miệng khi tất toán xong nợ thì đến Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh để hủy hợp đồng vay như phía nguyên đơn trình bày. Ngày 28-01-2021 dương lịch ông M, bà Ng đã trả đủ số tiền nợ gốc 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng và số tiền lãi 7 tháng là 595.000.000 (Năm trăm chín mươi lăm triệu) đồng cho ông T, các bên không lập biên bản giao nhận tiền. Khi thanh toán nợ xong, ông T đã trả lại bản chính hợp đồng vay tiền ngày 23-6-2020 cho ông M, bà Ng nên ông M, bà Ng mới có 02 bản chính hợp đồng vay tiền nộp cho Tòa án. Khoản vay này ông M, bà Ng đã tất toán nợ xong nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, yêu cầu Tòa án khấu trừ số tiền lãi ông T đã nhận 595.000.000 đồng vượt quá quy định pháp luật.

Đối với khoản vay 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng ngày 09-02-2021 dương lịch, quá trình giải quyết vụ án ông M, bà Ng không thừa nhận có vay tiền của ông T nên đã yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông M trong giấy biên nhận tiền ngày 09-02-2021 dương lịch. Tại bản tự khai ngày 17-6-2022 ông M, bà Ng có thừa nhận vay số tiền 500.000.000 đồng của ông T, đã trả 03 lần với số tiền 175.000.000 đồng, đề nghị Tòa án khấu trừ vào nợ vay và ông bà đồng ý trả nợ cho ông T sau khi đã khấu trừ số tiền này. Đối với các tài liệu, chứng cứ gồm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nội dung tin nhắn zalo chuyển tiền, các bảng kê chi tiết giao dịch chuyển tiền mà nguyên đơn cung cấp thêm tại phiên tòa ngày 26-5-2022 không có liên quan đến các khoản vay trong vụ án này.

Đến ngày 28-6-2022 ông M, bà Ng gửi thông báo đến Tòa án chấm dứt ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông Phạm Văn Tình. Tại phiên tòa ngày 21-7-2022 ông M, bà Ng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kiều O trình bày:* Bà là vợ của ông T, số tiền ông T khởi kiện ông M, bà Ng trong vụ án là tài sản riêng không phải là tài sản chung vợ chồng. Các tin nhắn zalo nói chuyện giữa ông T và bà Ng có nhắc đến bà Oanh với mục đích để cho ông M, bà Ng phải trả nợ cho ông T, thực chất không liên quan đến bà Oanh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thành T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với vợ chồng ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Thành T số tiền 542.210.000 (Năm trăm bốn mươi hai trăm mười nghìn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng, tiền lãi là 42.210.000 (*Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 anh Đỗ Thành T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh đối với ông M, bà Ng

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Xét thấy lời trình của bị đơn cho rằng có vay của nguyên đơn số tiền 1.700.000.000 đồng, nhưng đã trả đủ bằng tiền mặt vào ngày 28-01-2021. Tuy nhiên thông qua nội dung tin nhắn của bị đơn đối với nguyên đơn sau ngày 28-01-2021 còn thể hiện xin nguyên đơn cho thời gian và hứa khi nào bán đất được sẽ trả hết. Mặt khác bảng sao kê của Ngân hàng thể hiện bà Mỹ Ngọc còn nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của nguyên đơn đến ngày 31-5-2021 mới ngưng. Việc bị đơn trình bày đã nhận lại bản hợp đồng gốc là chứng minh đã trả nợ cho nguyên đơn là chưa đủ cơ sở. Đối với khoản tiền vay 500.000.000 đồng ngay từ đầu bị đơn phủ nhận hoàn toàn đến khi có kết luận giám định chữ viết, chữ ký thì mới thừa nhận. Từ đó cho thấy bị đơn cố tình chối bỏ nghĩa vụ của mình nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm ngày 21-7-2022 đến ngày 04-8-2022 anh Tâm có đơn kháng cáo và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Xét thấy việc kháng cáo của anh Tâm là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Tâm:

Việc vay tiền của bị đơn đối với nguyên đơn được thể hiện bằng văn bản, cụ thể như sau:

- Tại hợp đồng vay tiền được lập ngày 23-6-2020 tại Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh. Ông M, bà Ng có vay của anh Tâm số tiền 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 01 tháng, không ghi thỏa thuận lãi suất.

- Tại giấy mượn tiền lập ngày 28-12-2020 âm lịch (nhằm ngày 09-02-2021 dương lịch) thể hiện ông M có nhận của anh Tâm số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, không ghi thời hạn trả nợ, không ghi thỏa thuận lãi suất. Có chữ ký xác nhận của ông Trần Văn M.

Đối với khoản tiền vay 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng, bị đơn cho rằng đã trả tất nợ cho nguyên đơn bằng tiền mặt vào ngày 28-01-2021, nhưng không có làm biên nhận, chỉ lấy lại hợp đồng vay bản gốc. Ngoài khoản tiền vay này bị đơn không còn vay của nguyên đơn khoản tiền nào khác. Tuy nhiên theo tin nhắn từ điện thoại của bà Mỹ Ngọc đối với nguyên đơn trong khoảng thời gian sau ngày 28-01-2021 đến tháng 7 năm 2021 còn nhiều nội dung thể hiện nguyên đơn nhắc đòi tiền, bị đơn hứa hẹn trả nợ và xin thời gian để bán đất; bên cạnh đó theo bảng sao kê Ngân hàng thể hiện từ sau thời gian sau ngày 28-01-2021 đến ngày 31-5-2021 từ số tài khoản của bà Mỹ Ngọc nhiều lần chuyển tiền đến số tài khoản của anh Tâm. Từ đó cho thấy bị đơn chưa trả khoản nợ 1.700.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Đối với khoản tiền vay 500.000.000 đồng ngày 09-02-2021 của bị đơn. Ngay từ đầu bị đơn phủ nhận hoàn toàn về số nợ này, cho đến khi có kết luận giám định của phân viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an, thì bị đơn mới thừa nhận và xuất trình chứng cứ đã trả cho nguyên đơn số tiền 175.000.000 đồng. Tuy nhiên tài liệu này không chứng minh cho việc trả khoản tiền 500.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào hợp đồng vay bản gốc bị đơn đang giữ, nguyên đơn không có giữ mà khẳng định bị đơn đã trả cho nguyên đơn khoản tiền 1.700.000.000 đồng là thiếu cơ sở, chưa xem xét toàn diện chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Về lãi suất: Trong 02 hợp đồng vay tiền của các đương sự đều không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất. Nguyên đơn trình bày lãi suất 2%/ tháng còn bị đơn trình bày lãi suất 5%/tháng, nên có việc mâu thuẫn về lãi suất. Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để xem xét, cụ thể là lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng). Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng thống nhất áp dụng lãi suất 0.83%/ tháng. Vì vậy lãi suất được tính lại như sau:

- Khoản tiền 1.700.000.000 đồng vay ngày 23-6-2020, nguyên đơn trình bày bị đơn đã trả đến tháng 5 năm 2021 là 11 tháng, lãi suất 2%/tháng (1.700.000.000 đồng x 2% = 34.000.000 đồng x 11 tháng) = 374.000.000 đồng.

Tính lãi theo khoản 2 Điều 468 BLDS là: $1.700.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 27 \text{ tháng} = 384.226.100 \text{ đồng}$.

Như vậy khoản tiền lãi bị đơn đã trả còn thiếu: $384.226.100 \text{ đồng} - 374.000.000 \text{ đồng} = 10.226.100 \text{ đồng}$.

- Khoản tiền 500.000.000 đồng, vay ngày 09-02-2022, nguyên đơn trình bày bị đơn đã trả được 02 tháng (tháng 3 và tháng 4), cụ thể là $500.000.000 \text{ đồng} \times 2\% / \text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 20.000.000 \text{ đồng}$.

Tính lãi theo khoản 2 Điều 468 BLDS là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 19 \text{ tháng} = 81.754.300 \text{ đồng}$.

Như vậy khoản tiền lãi bị đơn đã trả còn thiếu: $81.754.300 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng} = 61.754.300 \text{ đồng}$.

Tổng cộng các khoản tiền gốc bị đơn phải trả là $1.700.000.000 \text{ đồng} + 500.000.000 \text{ đồng} = 2.200.000.000 \text{ đồng}$ (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng; tiền lãi phải trả là $10.226.100 \text{ đồng} + 61.754.300 \text{ đồng} = 71.980.400 \text{ đồng}$. Cộng tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là $2.271.980.400 \text{ đồng}$ (Hai tỷ hai trăm bảy mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn bốn trăm) đồng.

Bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn 07 tháng lãi đối với khoản tiền 1.700.000.000 đồng với số tiền 595.000.000 đồng và số tiền 175.000.000 đồng đối với khoản tiền vay 500.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh rõ ràng. Nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhận dân tỉnh Tây Ninh.

[3] Chi phí tố tụng: Việc ông M có đơn yêu cầu giám định chữ viết, kết quả đúng là chữ viết của ông. Nên ông M phải chịu chi phí này.

[4] Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: $72.000.000 \text{ đồng}$ (đối với số tiền 02 tỷ) + $(271.980.400 \text{ đồng} \times 2\%)$ là $5.439.608 \text{ đồng} = 77.439.600 \text{ đồng}$ (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm) đồng.

Hoàn trả cho anh Đỗ Thành T số tiền tạm ứng án phí đã nộp $40.640.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0000601 ngày 08-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm anh Đỗ Thành không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Thành T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thành T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với vợ chồng ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Thành T số tiền 2.271.980.400 (Hai tỷ hai trăm bảy mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn bốn trăm) đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng, tiền lãi là 71.980.400 (Bảy mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn bốn trăm) đồng.

Kể từ khi **người được thi hành án** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng phải chịu 77.439.600 (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm) đồng.

Hoàn trả lại cho anh Đỗ Thành T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.640.000 (Bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0000601 ngày 08-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Thành T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Đỗ Thành T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số: 0001258 ngày 04-8-2022 của Chi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

4. Chi phí giám định: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng phải chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng, đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. TP T;
- Chi cục THADS. TP T;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Diệp

